TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA VANG** **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:19/2024/DS-ST
NGy 26 tháng 03 năm 2024
Về tranh chấp chia di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Vũ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Văn Tuyện

Ông Lê Văn Bút

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Duy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, (Địa chỉ: Khu trung tâm hành chính huyện Hòa Vang, xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng) xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 131/2023/TLST-DS nGy 09/ 6/ 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-DS nGy 23/ 2/ 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị X, sinh năm 1960; Địa chỉ: Thôn P, xã Hòa B, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Ngô Thị X, sinh năm: 1980; Địa chỉ: Tổ 1, phường Hòa K, quận Liên C, thành phố Đà Nẵng, (Theo Giấy uỷ quyền số 0979 quyển số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD nGy 03/8/2023 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Minh Đạt); Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Võ Thị P, sinh năm 1966; Địa chỉ thường trú tại: Thôn P, xã Hòa B, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có yêu cầu độc lập, tham gia tố tụng với bên nguyên đơn hoặc tham gia tố tụng với bên bị đơn): Văn phòng Công chứng Lê Thị Thu H; Địa chỉ: 122 Nguyễn L, phường Hòa K, quận Liên C, thành phố Đà Nẵng – (Là tổ chức tiếp nhận hồ sơ của Văn phòng Công chứng T; Văn phòng Công chứng Tâm T; Địa chỉ: Lô 04 B2 -13 đường ĐT 602 thôn A , xã Hòa S, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng); Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nGy 09/6/2023 và tại phiên tòa, bà Ngô Thị X là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Nguyên trước đây, năm 1966 cụ Võ G đi lính tại miền Nam có dẫn theo gia đình vợ cụ Nguyễn Thị Đ và hai con là bà Võ Thị X, bà Võ Thị P vào định cư tại: Xã Hòa K, huyện C, tỉnh Định Trung. Đến ngày 20/01/1968 cụ G chết, mẹ con cụ Đ về lại Đà Nẵng sinh sống tại xã Hòa M (phường Hòa M), quận Liên C, thành phố Đà Nẵng cho đến sau khi giải phóng năm 1976 mẹ con cụ Đ tôi về quê sinh sống tại xã Hòa B, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình sinh sống cụ Đ đã khai hoang sử dụng đất ổn định lâu dài đất nông nghiệp và kê khai đất theo Nghị định 64 của chính phủ các thửa đất, Thửa đất thổ cư số: 52 (diện tích: 950m^2), tờ bản đồ số: 15; Hai thửa đất lúa: Thửa số: 294 (diện tích 690m^2), thửa số: 305 (diện tích 805m^2), tờ bản đồ số: 15; Ba thửa đất màu gồm: Thửa số: 293 (diện tích 696m^2), thửa đất số: 337 (diện tích 1086m^2) và thửa đất số: 412 (diện tích 2128m^2), tờ bản đồ số: 9; Một thửa đất Cây lâu niên số: 207 (diện tích 1.398m^2), tờ bản đồ số: 9 theo GCNQSD đất số I 450408 nGy 06/12/1996 được UBND huyện Hoà Vang cấp cho Hộ bà Nguyễn Thị Đ; toạ lạc tại địa chỉ: Thôn P, xã Hòa B, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng.

Năm 2008, cụ Nguyễn Thị Đ chết không để lại di chúc, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đ gồm, bà Võ Thị X, Võ Thị P (con cụ Đ), cụ Võ G (chồng cụ Đ), ông bà nội, ông bà ngoại đều chết trước trong thời kỳ chống pháp), cụ Đ và cụ G không có con riêng, con nuôi nào khác. Ngày 09 tháng 01 năm 2014, bà Võ Thị X và Võ Thị P thoả thuận phân chia di sản theo văn bản số 66, quyển số 02TP/CC-SCC/HDDG tại Văn phòng Công chứng T. Tuy nhiên, việc phân chia di sản trên không đúng với quy định của pháp luật vì, văn bản phân chia di sản không thể hiện đúng năm sinh và năm chết của cụ Võ G, toàn bộ tài sản trên là di sản thừa kế do cụ Đ để lại nhưng do thiếu hiểu biết về pháp luật nên bà X đã xác định tài sản trên là do cha mẹ bà chết để lại là không đúng, vì khối tài sản này là do cụ Đ tạo lập được sau khi cha bà chết nên tài sản trên là của cụ Đ. Sau đó bà X và bà P đã nhiều lần thỏa thuận lại để phân chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật nhưng vẫn không thành vì bất Đ quan điểm về kỷ phần mà mỗi người được hưởng cũng như P thức thanh toán, thối trả với bà Võ Thị P. Do đó, bà Võ Thị X đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng giải quyết: Hủy bỏ Văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế số 66, quyển số 02TP/CC-SCC/HDDG nGy 09 tháng 01 năm 2014 tại Văn phòng Công chứng T. Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Đ để lại theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đ là bà Võ Thị X, Võ Thị P, mỗi người nhận ½ di sản và chia theo hiện vật, bà X được nhận các thửa đất cụ thể như sau: Thửa đất số: 52, Tờ bản đồ số: 15, Diện tích: 950m^2, ngang 25m, dài 38m, diện tích xây dựng 264m^2, Mục đích sử dụng đất: Đất ở và đất vườn chia phần bà Võ Thị P 650m2 và phần tài sản gắn liền trên đất, phần bà X là 300m2; Thửa đất số: 293, Tờ bản đồ số: 09, Diện tích: 696m^2, Mục đích sử dụng đất: Đất màu; Thửa đất số: 337, Tờ bản đồ số: 09, Diện tích: 1086m^2, Mục đích sử dụng đất: Đất màu; Thửa đất số: 412, Tờ bản đồ số: 09, Diện tích: 2128m^2, Mục đích sử dụng đất: Đất màu. Bà Võ Thị P được nhận các thửa đất còn lại như đã liệt kê trên.

Tại phiên toà người đại diện theo uỷ quyền của bà Võ Thị X thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà X xác định tài sản trên là tài sản chung của bà Nguyễn Thị Đ và bà Võ Thị P theo quy định của Luật đất đai. Năm 2008, cụ Đ chết không để lại di

chúc, di sản thừa kế cụ Đ để lại là ½ tài sản trên có trị giá là 1.293.059.000đ được chia cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đ là bà Võ Thị X và Võ Thị P mỗi người được kỷ phần trị giá là 646.528.000đ, giao toàn bộ tài sản trên cho bà P toàn quyền sở hữu và sử dụng, bà P có nghĩa vụ thối trả cho bà X số tiền là 646.528.000đ. Bà không yêu cầu Toà án giải quyết chia di sản thừa kế đối với 02 thửa đất số: 294, tờ bản đồ số: 15 và thửa đất số: 207, tờ bản đồ số: 09.

Theo các bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà bị đơn là bà Võ Thị P trình bày:

Bà Võ Thị P thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn về nguồn gốc đất là do mẹ bà cụ Nguyễn Thị Đ chết để lại, tài sản trên là tài sản chung của hộ gia đình gồm hai mẹ con của bà, được mẹ bà là cụ Nguyễn Thị Đ đứng tên chủ hộ và được Nhà nước giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sử dụng đất nông nghiệp theo nghị định 64/CP. Năm 1991 bà Võ Thị X có chồng chuyển khẩu theo chồng cùng sống tại địa P xã Hoà Bắc, huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng nên bà X được cấp đất theo hộ khẩu của chồng bà theo Nghị định số 64/CP.

Năm 2008, cụ Nguyễn Thị Đ chết không để lại di chúc, đến năm 2024 bà P và bà X đã thoả thuận phân chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Đ và cụ Võ G chết để lại tại Văn phòng Công chứng T, theo Văn bản số 66, quyển số 02TP/CC-SCC/HDDG nGy 09 tháng 01 năm 2014, tuy nhiên Văn bản thỏa thuận trên là không đúng với quy định của pháp luật, vì tài sản trên không phải là di sản thừa kế của cụ Võ G và nGy tháng năm sinh của cụ G trong Văn bản thoả thuận không đúng với nGy tháng năm sinh trong giấy chứng tử của cụ G. Sau khi lập biên bản thỏa thuận tại Văn phòng Công chứng T, bà P đã liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không được. Nay bà X yêu cầu huỷ Văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế trên thì tôi Đ ý và thống nhất với bà X là chia ½ di sản thừa kế của mẹ bà là cụ Nguyễn Thị Đ chết để lại cho theo pháp luật, bà P và bà X mỗi người được hưởng ½ di sản có giá trị là 646.528.000đ và bà có yêu cầu được nhận hiện vật.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX và thư ký phiên tòa:

- Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn của mình quy định tại Điều 48 BLTTDS. Việc thụ lý vụ án, thời hạn giải quyết, thu thập chứng cứ cũng như việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, việc tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng được thực hiện đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTDS.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội Đ xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, Hội Đ xét xử đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 51 của BLTTDS.

2. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 73, 234 BLTTDS.

3. Về nội dung vụ án: Các thửa đất, Thửa đất thổ số: 52 (điện tích: 950m^2), tờ bản đồ số: 15; Hai thửa đất lúa: Thửa đất số: 294 (diện tích 690m^2), thửa đất số: 305 (diện tích 805m^2), tờ bản đồ số: 15; Ba thửa đất màu gồm: Thửa đất số: 293 (diện tích 696m^2), thửa đất số: 337 (diện tích 1086m^2) và thửa đất số: 412 (diện tích 2128m^2), tờ bản đồ số: 9; Một thửa đất Cây lâu niên số: 207 (diện tích 1.398m^2), tờ bản đồ số: 9 theo GCNQSD đất số I 450408 nGy 06/12/1996 được UBND huyện Hoà Vang cấp cho Hộ bà Nguyễn Thị Đ; toạ lạc tại địa chỉ: Thôn Phò Nam, xã Hòa Bắc, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng là do hộ bà Nguyễn Thị Đ sinh sống và canh tác được cấp đất theo Nghị định 64/CP nGy 27/9/2023 về việc ban hành bản quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sử dụng đất nông nghiệp. Năm 1991 bà Võ Thị X cắt khẩu theo chồng sinh sống tại xã Hoà Bắc, huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng. Hộ cụ Đ chỉ còn hai mẹ con là bà Nguyễn Thị Đ và bà Võ Thị P theo quy định Điều 100 Luật đất đai quyền sử dụng đất trên là tài sản chung của bà Nguyễn Thị Đ và bà Võ Thị P. Ông Võ G chết năm 1968, theo Điều 65 Luật Hôn nhân và Gia đình thì hôn nhân giữa cụ Võ G với cụ Nguyễn Thị Đ chất dứt kể từ thời điểm cụ G chết nên tài sản trên không phải là di sản thừa kế của cụ G. Xét thấy, Văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế năm 2014 giữa bà Võ Thị P và Võ Thị X lập được Văn Phòng Công chứng T công chứng số 66, quyển số 02 TP/CC-SCC/HĐGD nGy 09/01/2014, có nội dung là toàn bộ tài sản trên là do cụ Võ G, sinh năm 1927, chết năm 1967 và cụ Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1931, chết năm 2008 để lại, bà Võ Thị X Đ ý tặng cho toàn bộ di sản của mình được hưởng đối với các thửa đất trên cho bà Võ Thị P là không đúng năm sinh và năm chết của cụ G, không đúng với quy định pháp luật về thừa kế; Tại phiên toà, nguyên đơn yêu cầu đơn huỷ Văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế trên, bị đơn cũng thống nhất. Do đó đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn huỷ bỏ văn bản phân chia di sản thừa kế trên.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia di sản thừa kế là ½ tài sản chung trên có giá trị là 1.293.057.000đ. Năm 2008, cụ Đ chết không để lại di chúc, chồng cụ Đ là cụ G chết năm 1968, cha mẹ cụ Đ đều chết trong thời kỳ chống pháp nên căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 651 BLDS những người thừa kế hàng thứ nhất của cụ Đ gồm bà Võ Thị X, Võ Thị P mỗi người sẽ nhận được kỷ phần tương ứng số tiền: 646.528.000đ. Tại phiên toà, bà Ngô Thị X đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Võ Thị X và bị đơn bà Võ Thị P thoả thuận chia theo hiện vật, bà Võ Thị P được nhận toàn bộ tài sản trên và có nghĩa vụ thối trả cho bà Võ Thị X 01 kỷ phần thừa kế có trị giá là 646.528.000đ, xét sự thoả thuận trên của các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội Đ xét xử chấp nhận. Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 651, Điều 660 BLDS chấp nhận.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia di sản thừa kế đối với 02 thửa đất số 294, tờ bản đồ số 15 và thửa đất số: 207, tờ bản đồ số: 09.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Tại phiên toà, bà Võ Thị P có đơn xin giảm án phí, có xác nhận của chính quyền địa P, do đó đề nghị HĐXX căn cứ vào Nghị quyết số:

326/UBTVQH14 nGy 30/12/2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí lệ phí Tòa án" của Uỷ ban thường vụ Quốc hội để giảm án phí cho bà P theo quy định pháp luật.

Về chi phí thẩm định giá tài sản: Tại phiên toà các bên đương sự tự thoả thuận với nhau, bà X tự nguyện chịu và đã thanh toán cho tổ chức thẩm định giá nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: NGy 09/6/2023, bà Võ Thị X khởi kiện vụ án dân sự về việc "*Chia di sản thừa kế*" đối với bị đơn bà Võ Thị P; địa chỉ: Thôn Phò Nam, xã Hòa Bắc, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. NGy 09/6/2023, Tòa án nhân dân huyện Hoà Vang đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo trình tự tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án được quy định tại Điều 191, Điều 195 và khoản 5 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Toà án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng Lê Thị Thu H đến tham gia phiên toà nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của bà Võ Thị X thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Toà án chia di sản thừa kế là ½ tài sản 05 thửa đất gồm, quyền sử dụng đất ở nông thôn, đất lúa và đất màu thửa số: 52, tờ bản đồ số: 15; 03 thửa đất màu thửa số 293, 337 và 412, tờ bản đồ số: 9 và 01 thửa đất lúa số: 305, tờ bản đồ số 15 theo GCNQSD đất số I 450408 nGy 06/12/1996 được UBND huyện Hoà Vang cấp cho Hộ cụ Nguyễn Thị Đ, toạ lạc tại địa chỉ: Thôn Phò Nam, xã Hòa Bắc, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, có tổng giá trị là 1.293.057.000đ, được chia cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đ là bà Võ Thị X và Võ Thị P mỗi người nhận 01 kỷ phần trị giá là 646.528.000đ, giao toàn bộ tài sản trên cho bà P toàn quyền sở hữu và sử dụng, bà P có nghĩa vụ thối trả cho bà X số tiền là 646.528.000đ và yêu cầu toà án huỷ bỏ Văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế số 66, quyển số 02TP/CC-SCC/HDDG của Văn phòng Công chứng T nGy 09 tháng 01 năm 2014, bà không yêu cầu Toà án giải quyết chia tài sản chung và chia di sản thừa kế đối với 02 thửa đất số 294, tờ bản đồ số 15 và thửa đất thửa đất số: 207, tờ bản đồ số: 09.

[3] Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà Vang tại phiên tòa thể hiện: Cụ Võ G và cụ Nguyễn Thị Đ có quan hệ là vợ chồng, trong thời kỳ hôn nhân cụ G và cụ Đ sinh được 02 người con là Võ Thị X và Võ Thị P. Năm 1966, cụ Võ G đi lính có dẫn theo vợ con vào Miền Nam sinh sống và định cư tại xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, tỉnh Định Trung, năm 1968 cụ G chết, mẹ con cụ Đ về sinh sống tại xã Hòa Mỹ (phường Hòa Minh), quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng sau nGy giải phóng năm 1976 cụ Đ dẫn hai con về sinh sống tại xã Hòa Bắc, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng và có khai hoang các thửa đất nông nghiệp để canh tác, theo Nghị định 64/CP nGy 27/9/2013 về việc ban hành bản quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sử dụng đất nông nghiệp cụ Đ có kê khai các thửa đất trên

đến năm 1996 hộ cụ Đ được UBND huyện Hoà V, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng cấp GCNQSD đất số I 450408, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0644 QSDĐ/1080/QĐUB đứng tên Hộ cụ Nguyễn Thị Đ. Theo biên bản xác minh tại tàng thư công an huyện Hoà Vang thể hiện, tại giấy chứng nhận đăng ký hộ khẩu thường trú số 122/CN được Công an xã Hoà B cấp ngày 18/11/1991 hộ cụ Đ chỉ còn cụ Đ và bà Võ Thị P, bà Võ Thị X không còn tên trong hộ khẩu mà đã cắt khẩu nhập khẩu theo chồng tại xã Hoà Bắc, huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng, căn cứ vào Điều 100 Luật đất đai năm 1993 thì quyền sử dụng đất trên là tài sản chung của hộ cụ Đ và bà P. Năm 2008 cụ Đ chết không để lại di chúc, năm 2014 bà Võ Thị P và Võ Thị X lập Văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế và được Văn Phòng Công chứng T công chứng số 66, quyển số 02 TP/CC-SCC/HĐGD nGy 09/01/2014, có nội dung là toàn bộ tài sản trên là do cụ Võ G, sinh năm 1927, chết năm 1967 và cụ Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1931, chết năm 2008 để lại, bà Võ Thị X Đ ý tặng cho toàn bộ di sản của mình được hưởng đối với các thửa đất trên cho bà Võ Thị P. Xét thấy, Văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế trên có nhiều nội dung không đúng với quy định của pháp luật. Theo Báo cáo tạ thế do Quân Đoàn V, Sư đoàn 7 Bộ Binh, Tiểu Đoàn 7 Công Binh Sư Đoàn, cấp ngày 22 tháng 01 năm 1968 và trích lục khai tử của cụ Võ G được UBND xã Hoà Bắc xác nhận là cụ Võ G, sinh năm 1935, chết năm 1968, năm sinh trong Giấy khai tử của cụ Võ G phù hợp với năm sinh trong Giấy khai sinh của bà Võ Thị X và Võ Thị P đều thể hiện cha là cụ Võ G, sinh năm 1935. Căn cứ vào Điều 65 Luật hôn nhân và Gia đình thì hôn nhân giữa cụ Đ và cụ G chấm dứt kể từ thời điểm cụ G chết năm 1968, tài sản trên được hình thành sau thời điểm cụ Võ G chết, theo quy định tại Điều 33 Luật hôn nhân và Gia đình quy định, "Quyền sử dụng đất mà vợ chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng…" nên quyền sử đất đối với các thửa đất trên không phải tài sản chung của cụ Đ theo quy định của Luật đất đai mà là tài sản chung của Hộ cụ Nguyễn Thị Đ và bà Võ Thị P. Tại phiên toà, các đương sự cũng thống nhất với nhau đề nghị Toà án huỷ bỏ văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế, xét yêu cầu trên của các đương sự là phù hợp với Điều 423 của Bộ Luật dân sự nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về di sản thừa kế: Xét yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Võ Thị X thì thấy: Tại phiên toà các đương sự đều xác định toàn bộ tài sản trên là tài sản chung của cụ Đ và bà P và xác định di sản thừa kế do cụ Đ chết để lại là ½ tài sản trên, theo kết quả thẩm định giá tài sản của Công ty TNHH thẩm định giá tài sản Đà Nẵng tài sản trên có tổng giá trị là 2.586.114.000đ; Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 179 Luật đất đai quy định "Hộ gia đình được Nhà nước giao đất, nếu trong hộ có thành viên chết thì quyền sử dụng đất của thành viên đó được để thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật". Năm 2008, cụ Đ chết không để lại di chúc, tại phiên toà các đương sự xác định di sản thừa kế của cụ Đ là ½ quyền sử dụng đất trên, có trị giá 1.293.057.000đ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về diện thừa kế và kỷ phần thừa kế: hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Thị Đ gồm bà Võ Thị X (con), Võ Thị P (con); cụ Võ G (chồng) chết năm 1968, đối với cụ Nguyễn Lục, sinh năm 1910 và cụ Trương Thị Thiết, sinh năm 1912 (là cha mẹ cụ Đ), qua xác minh tại tàng thư công an huyện Hoà Vang, theo tờ khai hộ

khẩu do cụ Nguyễn Thị Đ khai năm 1977 đều đã chết trong thời kỳ chống Pháp, căn cứ vào Điều 613 của Bộ luật dân sự thì cụ Võ G, cụ Lục và cụ Thiết không phải là người thừa kế di sản của cụ Đ. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ Luật dân sự, hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đ gồm bà X (con) và bà P (con) nên di sản trên của cụ Đ được chia thành hai kỷ phần, mỗi người nhận kỷ phần có giá trị là 1.293.057.000đ/2 =646.528.000đ.

[6] Phân chia di sản thừa kế: Tại phiên toà, các đương sự thoả thuận được với nhau, bà X và bà P thống nhất di sản thừa kế của cụ Đ để lại là ½ giá trị tài sản hiện nay bà P đang quản lý sử dụng có trị giá là 1.293.059.000đ, tài sản trên được chia đôi mỗi người nhận 01 kỹ phần có giá trị là 646.528.000đ và chia theo hiện vật, bà Võ Thị P được nhận toàn bộ tài sản trên và có nghĩa vụ thối trả cho bà Võ Thị X 01 kỹ phần thừa kế có trị giá là 646.528.000đ, xét sự thoả thuận trên của các đương sự là phù hợp với Điều 651của Bộ Luật dân sự và Điều 179 của Luật Đất đai pháp luật nên Hội Đ xét xử chấp nhận.

[7] Đình chỉ yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế đối với thửa đất lúa số 207; Tờ bản đồ số 09 và thửa 294, tờ bản đồ số 15 theo GCNQSD đất số I 450408 nGy 06/12/1996 được UBND huyện Hoà Vang cấp cho Hộ bà Nguyễn Thị Đ. Nếu sau này bà Võ Thị X khởi kiện lại đối với yêu cầu trên và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí lệ phí Tòa án" của Uỷ ban thường vụ Quốc hội các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần được nhận di sản thừa kế như sau: Bà Võ Thị P và Võ Thị X mỗi người phải chịu (646.528.000đ x 5%) = 32.326.000đ. Xét bà Võ Thị X và Võ Thị P đều có đơn xin được miễn giảm án phí. Bà Võ Thị X là người cao tuổi, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 nGy 30/12/2016, HĐXX chấp nhận miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Võ Thị X. Đối với bà Võ Thị P, hiện nay thuộc diện Hộ gia đình khó khăn được UBND xã Hoà Bắc xác nhận, xét đơn xin được giảm án phí của bà P là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX giảm cho bà P ½ tiền án phí, số tiền án phí còn lại bà Võ Thị P phải chịu là 16.163.000đ

[9] Về chi phí tố tụng khác: Về chi phí thẩm định giá tài sản và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 4.000.000đ, tại phiên toà đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Võ Thị X tự nguyện chịu và đã thanh toán cho xong cho Công ty TNHH thẩm định giá Đà Nẵng nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 423 của Bộ luật dân sự; Điều 649, 650, 651 và 660 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 179 Luật đất đai; Điều 217 và 218 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số:326/UBTVQH14 nGy 30/12/2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí lệ phí Tòa án" của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/ Huỷ bỏ Văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế số 66, quyển số 02TP/CC-SCC/HDDG nGy 09 tháng 01 năm 2014 của văn phòng công chứng T.

2/ Chia tài sản chung và chia thừa kế:

- Các tài sản gồm Quyền sử dụng đất: Thửa đất số: 52, Tờ bản đồ số: 15, Diện tích: 950m^2, đất ở và đất vườn và tài sản gắn liền với đất nhà cấp 4, tường xây mái ngói; Hai thửa đất lúa: Thửa 305 (diện tích 805m^2), tờ bản đồ số 15; Ba thửa đất màu gồm: Thửa số 293 (diện tích 696m^2), thửa 337 (diện tích 1086m^2) và thửa đất số 412 (diện tích 2128m^2), tờ bản đồ số 9 theo GCNQSD đất số I 450408 nGy 06/12/1996 được UBND huyện Hoà Vang cấp cho Hộ bà Nguyễn Thị Đ; toạ lạc tại địa chỉ: Thôn Phò Nam, xã Hòa Bắc, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng là tài sản chung của cụ Nguyễn Thị Đ và bàVõ Thị P, có tổng gia trị là 2.586.114.000đ được chia thành hai phần, mỗi phần có giá trị là 1.293.059.000đ (Một tỷ hai trăm chín mươi ba triệu không trăm năm mươi chín nGn Đ).

- Di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Đ để lại 1/2 tài sản trên có giá trị là 1.293.059.000đ (Một tỷ hai trăm chín mươi ba triệu không trăm năm mươi chín nGn Đ). Bà Võ Thi X và Võ Thị P mỗi người được nhận kỷ phần thừa kế có trị giá là 646.528.000đ (Sáu trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm hai mươi tám nGn Đ).

- Chia theo hiện vật: Bà Võ Thị P được quyền sở hữu và sử dụng các thửa đất: Thửa đất số: 52, Tờ bản đồ số: 15, Diện tích: 950m2, đất ở và đất vườn và tài sản gắn liền với đất nhà cấp 4, tường xây mái ngói; Thửa đất lúa: Thửa 305 (diện tích 805m2) , tờ bản đồ số 15; Ba thửa đất màu gồm: Thửa số 293 (diện tích 696m2), thửa 337 (diện tích 1086m2) và thửa đất số 412 (diện tích 2128m2), tờ bản đồ số 9. Theo GCNQSD đất số I 450408 nGy 06/12/1996 được UBND huyện Hoà Vang cấp cho Hộ bà Nguyễn Thị Đ; toạ lạc tại địa chỉ: Thôn Phò Nam, xã Hòa Bắc, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Bà Võ Thi P có nghĩa vụ thối trả lại cho bà Võ Thị X số tiền là 646.528.000đ (Sáu trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm hai mươi tám nGn Đ).

Kể từ nGy có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3/ Về án phí: Bà Trần Võ Thị P phải chịu là 16.163.000đ (mười sáu triệu một trăm sáu mươi ba nGn Đ).

4/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện chi di sản thừa kế đối với thửa đất lúa số 207, tờ bản đồ số 09 và thửa 294, tờ bản đồ số 15 theo GCNQSD đất số I 450408 nGy 06/12/1996 được UBND huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng cấp cho Hộ bà Nguyễn Thị Đ.

Nếu sau này bà Võ Thị X khởi kiện lại đối với yêu cầu trên và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 nGy kể từ nGy tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ nGy nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.